

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2025/DS-PT

Ngày: 15 - 9 - 2025

V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 574/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Bé N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q, Đoàn Luật sư tỉnh K (có mặt).

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư T, số C N, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (phường R, tỉnh An Giang).

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Bà Trương Thị L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trương Hồng S, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

(Giấy ủy quyền ngày 08/9/2025 tại Ủy ban nhân dân xã V).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà A ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

2. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà A Tổ F, ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

3. Bà Võ Thị Bé T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ F, ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

4. Ông Võ Văn C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

Địa chỉ liên hệ: Công Biên H1, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai).

5. Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

6. Bà Võ Thị S1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

7. Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Võ Bé N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bổ sung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Võ Bé N trình bày:

Cha bà là Võ Văn D (còn gọi là V1) sinh năm 1931 (chết năm 1992), mẹ là Nguyễn Thị T1 sinh năm 1935 (chết năm 1994). Cha mẹ bà có thửa đất diện tích 23.662m² tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn D đứng tên. Cha, mẹ bà có 8 người con gồm Võ Văn L1, Võ Văn Đ, Võ Thị Bé T, Võ Bé N, Võ Văn C, Võ Văn H, Võ Thị Ú, Võ Thị S1. Lúc nhỏ các anh chị em sống cùng cha mẹ, đến năm 1992, 04 người anh chị lớn lập gia đình và ở riêng, còn lại 04 anh em bà ở chung nhà cùng cha mẹ. Trước khi chết cha mẹ bà không có lập di chúc phân chia tài sản thừa kế mà chỉ nói miệng chấp nhận cho bà một nền đất vào năm 1993, đất có diện tích ngang 6 mét chạy dài 70 mét nằm cặp với nhà của cha mẹ mà cả bốn anh em đang ở. Đất vị trí hiện nay: mặt trước giáp sông T, mặt trái và sau giáp đất ông Võ Văn H, mặt phải giáp đất em ruột Võ Văn C. Đến đầu năm 1995 bà ra riêng cất nhà trên nền đất trên, căn nhà có diện tích ngang 6 mét, dài 12 mét, phần đất còn lại thì để trống, bà chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nền đất trên.

Gia đình bà sống trên phần đất trên từ năm 1995 đến năm 2020 thì Nhà nước thực hiện việc mở rộng lộ giới. Do nhà bà nằm ngay đầu lộ tẻ nên phải giải phóng mặt bằng đi vô gần 30 mét nên căn nhà bà bị tháo dỡ hoàn toàn, phần đất còn lại ngang 6 m chạy dài 40 mét. Đến khi Nhà nước bồi thường đất giải tỏa và nhà cửa trên đất thì bà mới biết được phần đất nền nhà cha mẹ cho nay thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Võ Văn H đứng tên. Khi Nhà nước thu hồi đất thì có bồi thường giá trị căn nhà cho bà số tiền 329.000.000 đồng, riêng phần giá trị đất thì ông H trực tiếp đứng ra nhận tiền. Khi nhận được tiền bồi thường thì ông H đuổi bà ra khỏi phần đất nói trên, mặc dù cả 7 anh chị em còn lại đều đồng ý kêu ông H cho bà một phần đất nền nhà để ở giống như di nguyện của cha mẹ lúc còn sống, nhưng ông H không đồng ý và buộc bà phải rời đi.

Sau khi bà tìm hiểu mới biết được ông Võ Văn H đã làm xong giấy chứng nhận đứng tên phần đất trên từ ngày 10/02/2003, tuy nhiên việc đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H thì bà hoàn toàn không hay biết. Phần đất này là tài sản của cha mẹ để lại cho các con, không có làm di chúc hay ủy quyền lại cho ông H nên việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của ông H là từ một phía, trái với ý muốn của anh em.

Bà Võ Bé N yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 23.662m² đứng tên ông Võ Văn H do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/02/2003 vì thuộc di sản thừa kế.

- Yêu cầu chia phần đất có diện tích 288 m² tính từ mặt lộ trở vào, đất tọa lạc tại Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Đất có vị trí: Mặt trước giáp lộ 96; mặt trái và sau giáp đất ông Võ Văn H; mặt phải giáp đất ông Võ Văn C.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2024 bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, chia đều cho tất cả 08 anh em do đây là di sản của cha mẹ để lại bao gồm phần đất ở và phần đất nông nghiệp. Mỗi người được hưởng khoảng 2.344m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Võ Văn L1 và ông Võ Văn Đ cùng thống nhất trình bày:

Trước đây khi cha mẹ còn sống, cha mẹ có cho bà N một nền đất ở, bà N có cất nhà trên diện tích đất đó. Khi Nhà nước thu hồi đất, bà N cũng đã nhận đủ tiền bồi thường căn nhà. Lúc cha mẹ còn sống thì đã chia đất cho tất cả những người anh em (ông L1, ông Đ, ông C, bà T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), bà Ú được cho 2 công đất lá. Riêng bà S1 thì cha mẹ có cho 3 công đất tầm lớn (khoảng 3.800m²) chung với H nhưng vẫn chưa tách sổ riêng mà còn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, còn phần đất của bà N thì cha mẹ có nói cho nhưng không có nói diện tích là bao nhiêu, nhưng có nói từ bờ sông đo tới liếp. Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 23.244,77m², sau khi đo đạc thực tế còn lại là 22.555m² trong phần đất này trừ đi 3.800m² cho em S1, phần còn lại ông L1, ông Đ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, chia đều cho tất cả 08 người anh em, mỗi người được hưởng khoảng 2.344m².

Bị đơn ông Võ Văn H, bà Trương Thị L và đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Trương Hồng S trình bày:

Cha của các ông, bà tên Võ Văn D, sinh năm 1931 chết ngày 08/10/1992. Mẹ tên Phạm Thị Thanh S2 năm 1935 – chết 12/6/1994. Cụ D chết không để lại di chúc đến nay cũng đã 31 năm, khi còn sống mẹ có tặng cho ông H quyền sử

dụng đất. Trong tổng diện tích 23.244,77m² do ông H đứng tên sử dụng được cấp hợp pháp. Các anh chị em được chia đã tách thửa, sang tên và đang sử dụng ổn định, còn phần của đứa em là Võ Thị S1 vẫn chung trên giấy với ông H chưa tách thửa đứng tên riêng.

Lúc mấy chị em còn chưa lập gia đình khi ba mẹ còn sống có nói chia đều cho tất cả, vì bà N chọn học nghề nên ba mẹ lo cho tiền học nghề và sẽ không được chia đất. Toàn bộ diện tích đất chia đều cho các anh chị em khác.

Vào năm 2021 khi Nhà nước có chủ trương làm tuyến tránh, một phần diện tích đất của ông H nằm trong khu vực phải giải toả, trên đất của ông H có cho bà N cất nhà ở nhờ (ngang 6m, dài 9m). Nhà của bà N nằm ngay phần phải giải toả và được đền bù giá trị căn nhà số tiền hơn 300 triệu đồng (khi nhận tiền thì Ban Q1 có giao cho bà N một biên bản chi tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trong đó có ghi rõ nội dung đền bù và số tiền cụ thể cho người nhận tiền), bà N đã nhận tiền đủ, sau khi nhận tiền đền bù thì bà N không ở trên đất của ông H nữa. Ông H được bồi thường đất số tiền 287.449.341 đồng.

Ông H không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đây là đất ông đã được cha mẹ cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị Bé T, bà Võ Thị Ú, ông Võ Văn C cùng thống nhất trình bày: yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Võ Thị S1 trình bày: không yêu cầu chia thừa kế, không tranh chấp với anh Võ Văn H.

Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND huyện A cấp ngày 04/02/1994 đứng tên ông Võ Văn H, có diện tích 23.662m², đất tọa lạc tại xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang là cấp theo trình tự, thủ tục công nhận Quyền sử dụng đất lần đầu và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W 064842 do UBND huyện A cấp ngày 10/02/2003 đứng tên Hộ ông (Bà) Võ Văn H, có diện tích 23.662m², đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang là cấp theo trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Theo đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đề ngày 10 tháng 02 năm 2003 của ông Võ Văn H. Tuy nhiên, do sơ suất khi kiểm tra hồ sơ, UBND huyện đã cấp đổi Giấy chứng nhận từ ông Võ Văn H thành Hộ Ông (Bà) Võ Văn H, vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp, sau khi cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không ai khiếu nại về thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W 064842 do UBND huyện A cấp ngày 10/02/2003 cho ông Võ Văn H, đất có diện tích 23.662m², đất tọa lạc ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang được cấp đổi từ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do UBND huyện cấp ngày 04/02/1994 cho ông Võ Văn H, đất có diện tích 23.662m², đất tọa lạc tại xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang phù hợp với quy định tại Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) quyết định:

1. Không công nhận thừa đất tại ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang với diện tích 23.244,77m² (đo đạc thực tế là 22.555m²) do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/02/1994 và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 064842 ngày 10/02/2003 cho ông Võ Văn H là di sản của cụ Võ Văn D (Viên) và cụ Phạm Thị T2.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Bé N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Võ Văn L1, ông Võ Văn Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế thừa đất tại ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang với diện tích 23.244,77m² (đo đạc thực tế là 22.555m²) do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/02/1994 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 064842 ngày 10/02/2003 cho ông Võ Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2025, nguyên đơn bà Võ Bé N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Võ Bé N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót như sau: có sự chủ quan, sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ, về phần nhân thân, xác định sai tên cha mẹ của nguyên đơn, có sự sai biệt về họ của mẹ của nguyên đơn, cụ thể tại bút lục 08 thể hiện xác nhận người đã chết là Nguyễn Thị T1, trong khi mẹ của nguyên đơn là Phạm Thị T2; việc xem xét thẩm định trước ngày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; quan hệ tranh chấp di sản thừa kế nhưng không thu thập giấy khai sinh, giấy chứng tử; chưa có văn bản xác minh cơ quan có thẩm

quyền về việc thu hồi đất khi chưa rõ diện tích đất chênh lệch. Để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, bà N cung cấp bản chính giấy tờ tùy thân, xác nhận thân nhân của cha mẹ nguyên đơn.

Bị đơn ông Võ Văn H, bà Trương Thị L, cùng có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Hồng S đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Bé N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Võ Văn L1, ông Võ Văn Đ, là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Võ Văn L1, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị Bé T, bà Võ Thị Ú, bà Võ Thị S1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh An Giang, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện các đương sự trình bày thống nhất các nội dung sau:

Cụ Võ Văn D (còn gọi là V1) sinh năm 1931 (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị T1 (hay Phạm Thị T2) sinh năm 1935 (chết năm 1994) có 08 người con gồm các ông, bà Võ Văn L1, Võ Văn Đ, Võ Thị Bé T, Võ Bé N, Võ Văn C, Võ Văn H, Võ Thị Ú, Võ Thị S1.

Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 22.555m² tại ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang trước đây thuộc địa giới hành chính huyện A, tỉnh

Kiên Giang có nguồn gốc do ông bà của nguyên đơn và bị đơn tạo lập, hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/02/2003 cho ông Võ Văn H.

[2.2] Theo nguyên đơn bà N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, ông L1 thì phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do cụ D và cụ T2 để lại, nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H và chia thừa kế theo pháp luật. Bị đơn ông H trình bày khi còn sống cha mẹ đã cho ông phần diện tích đất trên nên không đồng ý yêu cầu chia thừa kế.

[2.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2.3.1] Ngày 09/5/2023 ông Võ Văn H có đơn xin xác nhận nhân thân với người đã mất, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện U xác nhận có nội dung: Ông Võ Văn H có cha tên là Võ Văn D1, sinh năm 1931 – mất ngày 08/10/1992. Và mẹ tên Phạm Thị T2, sinh năm 1935 – mất ngày 12/6/1994. Kèm theo đơn là giấy khai sinh thể hiện ông Võ Văn H, có cha tên là Võ Văn D1.

Xét thấy, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự thể hiện cha mẹ của ông H là ông Võ Văn D (Viên) và bà Phạm Thị T2; không có căn cứ thể hiện *Võ Văn D* và *Võ Văn D1*; *Nguyễn Thị T1* và *Phạm Thị Thanh L2* cùng một người. Trong vụ án này, các bên đương sự đang có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ D và cụ T1, nên cần thiết phải xác minh làm rõ mối quan hệ giữa các bên đang tranh chấp với người để lại di sản thừa kế, để xác định hàng thừa kế của cụ D và cụ T1. Chứng cứ mới phát sinh này có thể làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc và ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nhưng không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[2.3.2] Ngoài ra, khi thụ lý giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần thu thập thêm tài liệu, chứng cứ để làm rõ các nội dung sau:

Bản án sơ thẩm nhận định khi còn sống cha, mẹ đã có chia đất cho các anh, em là ông Đ, ông L1, bà T, ông C, bà Ú và các ông, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N không có chứng cứ, chứng minh đã được cha mẹ chia đất. Từ đó, bản án sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc cho rằng đã được cha, mẹ chia cho phần đất đang tranh chấp là chưa đủ căn cứ, bởi:

- Theo quy định pháp luật hiện hành thì việc cha, mẹ đã tặng cho tài sản cho các con khi còn sống, không phải là căn cứ để xác định những người thừa kế không có quyền thừa kế đối với di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Mặt khác, tại biên bản hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm ông Đ, ông L1, bà T xác nhận cha, mẹ chưa có chia đất cho bà N. Do vậy, nếu trong trường hợp có căn cứ xác

định ông Đ, ông L1, bà T, ông C, bà Ú đã được hưởng phần thừa kế (từ phần đất được cho) thì không ảnh hưởng đến quyền thừa kế của bà N.

- Trên phần đất do ông H đang quản lý, sử dụng có căn nhà do bà N cất. Bị đơn thừa nhận bà N đã cất nhà và ở trên đất từ năm 1995. Năm 2020, khi bị thu hồi thì bà N nhận bồi thường đối với phần nhà và ông H nhận bồi thường phần đất. Do đó, để có đủ cơ sở xem xét yêu cầu của bà N thì cần thiết phải làm rõ việc bà N cất nhà ở trên đất là do được ông H cho ở nhờ hay bà N được cho đất để cất nhà?

- Ông H đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng lần đầu đối với diện tích đất tranh chấp ngày 04/02/1994. Thời điểm này thì cụ T1 còn sống (mất ngày 12/6/1994). Phần đất tranh chấp được xác định là tài sản của cụ D và cụ T1. Do vậy, khi đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1994, ông H kê khai nguồn gốc đất như thế nào? Các anh, em còn lại có biết và có ý kiến như thế nào việc đăng ký cấp quyền sử dụng đất của ông H? Từ đó mới có căn cứ xem xét lời trình bày của các đương sự về việc cho rằng khi còn sống cha, mẹ đã thực hiện việc phân chia đất cho các con.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Bản án sơ thẩm bị hủy do phát sinh tình tiết mới, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Bé N;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất” nguyên đơn bà Võ Bé N với bị đơn ông Võ Văn H, bà Trương Thị L, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Bé N không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Ngô Mạnh Cường

Trần Thị Hòa Hiệp